



THE PAN GROUP

Số/No.: 031.24/PAN-CV

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024  
Hanoi, 29 August 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES COMMISSION'S  
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

**Kính gửi/ To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: PAN
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Người công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/Mr. Nguyễn Anh Tuấn

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công ty cổ phần Tập đoàn PAN công bố các tài liệu sau:

*The PAN Group Joint Stock Company discloses the following information:*

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2024 đã kiểm toán.  
*Semi-annual 2024 audited Separate Financial Statement & Consolidated Financial Statement.*
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ.  
*Explanation of the difference in profit after tax in comparison with the same period.*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn: <http://www.thepangroup.vn>, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư/Công bố thông tin.

*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on August 29, 2024. Available at: <http://www.thepangroup.vn>, tab Investor Relation/Information Disclosure.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./.*

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN**  
Người được ủy quyền CBTT  
**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**



Nguyễn Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên độc lập
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên độc lập

#### **Ủy ban Kiểm toán**

Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên

#### **Tổng Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Trà My

Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01-05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2023)

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 0212/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

06  
TY  
+  
DÁ  
TT  
AM  
P.P.  
3  
N.V.  
T.H.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 25 tháng 8 năm 2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



**Phạm Tuấn Linh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2024-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 28 tháng 8 năm 2024  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.653.725.244.970</b>	<b>6.845.160.217.351</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>64.596.727.084</b>	<b>80.413.241.897</b>
1. Tiền	111		56.596.727.084	80.413.241.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.570.000.000.000</b>	<b>6.670.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	10.570.000.000.000	6.670.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.290.710.907</b>	<b>90.627.310.548</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.740.807.833	17.740.807.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		446.808.107	374.682.516
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	77.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.843.902.800	12.752.628.032
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(17.740.807.833)	(17.740.807.833)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.837.806.979</b>	<b>4.119.664.906</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		308.676.936	590.222.863
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		290.093.991	290.405.991
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.239.036.052	3.239.036.052
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.585.582.394.466</b>	<b>4.582.596.756.498</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	10.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.893.394.951</b>	<b>10.546.012.821</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.893.394.951	10.546.012.821
- Nguyên giá	222		13.938.574.220	13.938.574.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.045.179.269)	(3.392.561.399)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>4.575.501.955.526</b>	<b>4.571.863.134.450</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.601.330.644.264	4.601.330.644.264
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.828.688.738)	(29.467.509.814)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>177.043.989</b>	<b>177.609.227</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		177.043.989	177.609.227
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.239.307.639.436</b>	<b>11.427.756.973.849</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.160.449.923.188</b>	<b>8.295.060.127.029</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.160.449.923.188</b>	<b>8.295.060.127.029</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		271.099.122	728.839.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		208.308.899	208.308.899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	91.119.498	382.680.681
4. Phải trả người lao động	314		-	1.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	11.743.525.696	5.011.762.548
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	207.643.976.995	106.470.256.691
7. Vay ngắn hạn	320	15	11.924.040.000.000	8.166.464.657.534
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.769.755.760	9.769.755.760
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	6.682.137.218	6.022.365.310
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.078.857.716.248</b>	<b>3.132.696.846.820</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>3.078.857.716.248</b>	<b>3.132.696.846.820</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		904.770.143.351	904.770.143.351
3. Cổ phiếu quỹ	415		(167.188.836.328)	(167.188.836.328)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.513.798.268	11.513.798.268
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		166.816.810.957	220.655.941.529
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		111.208.566.529	58.629.870.136
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		55.608.244.428	162.026.071.393
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>15.239.307.639.436</b>	<b>11.427.756.973.849</b>

Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01-  
05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5  
năm 2023)

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		-	-
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	226.955.065.145	334.871.855.625
6. Chi phí tài chính	22	19	155.830.394.834	190.243.143.861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		151.483.639.951	170.183.639.529
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	15.518.186.430	15.140.799.270
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=(21-22)-26)	30		55.606.483.881	129.487.912.494
9. Thu nhập khác	31		1.760.547	186.054.834
10. Chi phí khác	32		-	263.285.262
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.760.547	(77.230.428)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		55.608.244.428	129.410.682.066
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		55.608.244.428	129.410.682.066

Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01-  
05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5  
năm 2023)

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.608.244.428	129.410.682.066
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	652.617.870	727.084.749
Các khoản dự phòng	03	(3.638.821.076)	1.218.959.728
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	120.000.000	7.881.700.823
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(198.954.529.697)	(334.793.742.886)
Chi phí lãi vay	06	151.483.639.951	181.037.637.197
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.271.151.476	(14.517.678.323)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(65.485.511)	(349.390.926)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.564.055.367)	(11.493.721.918)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	282.111.165	153.901.320
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(3.900.000.000.000)	(4.469.999.988.857)
Tiền lãi vay đã trả	14	(149.212.277.799)	(154.208.740.196)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.340.228.092)	(1.035.271.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.047.628.784.128)	(4.651.450.890.528)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	647.272.727
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	(198.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	147.500.000.000	639.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	196.856.926.849	300.469.017.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	274.356.926.849	742.416.290.704

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.495.080.000.000	6.127.146.095.890
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.737.624.657.534)	(2.452.240.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.757.455.342.466</b>	<b>3.674.906.095.890</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(15.816.514.813)</b>	<b>(234.128.503.934)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	80.413.241.897	236.975.923.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.915.362
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>64.596.727.084</b>	<b>2.853.334.579</b>

Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01-  
05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5  
năm 2023)

Ngày 28 tháng 8 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301472704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 ngày 12 tháng 5 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PAN từ ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

**Các công ty con sở hữu trực tiếp**

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần PAN Farm (i)	Hà Nội	81,91%	81,91%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2.	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Long An	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
3.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (ii)	Sóc Trăng	47,21%	50,12%	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (iii)	Bến Tre	76,47%	76,47%	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản
5.	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang (iv)	Khánh Hòa	73,45%	73,45%	Dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm thủy sản; chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh, thủy sản khô và nước nắm; bán buôn xăng dầu, dầu nhờn, khí đốt hóa lỏng và các sản phẩm liên quan; khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn
6.	Công ty Cổ phần Bibica (v)	Thành phố Hồ Chí Minh	98,30%	98,30%	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty).
7.	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Thành phố Hồ Chí Minh	79,59%	79,59%	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
8.	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Long An	80,52%	80,52%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên doanh với thông tin cụ thể như sau:

(i) Công ty Cổ phần PAN Farm

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Lâm Đồng	50,97%	50,97%	50,97%	50,97%	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (i.1)	Hà Nội	80,11%	80,11%	80,11%	80,11%	Trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng
3.	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (i.2)	Thành phố Hồ Chí Minh	51,25%	51,25%	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và dịch vụ cho thuê văn phòng
4.	Công ty Cổ phần Atani Holdings (i.3)	Hà Nội	67,74%	67,74%	Là công ty liên kết	Là công ty liên kết	Nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học, nghiên cứu phát triển công nghệ lên men quy mô công nghiệp

(i.1) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm cũng sở hữu các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây)	Hà Nội	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2.	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp, chế biến kinh doanh nông sản, đại lý bán buôn bán lẻ



STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
3.	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Hà Nam	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao
5.	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (**)	Đồng Tháp	98,92%	100,00%	98,92%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, chế biến kinh doanh hạt giống và nông sản

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	83,74%	83,74%	83,74%	83,74%	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

(\*\*) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam trong Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 70% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 30% thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam cũng sở hữu công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Đồng Tháp	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác và bột mỳ



- (i.2) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm cũng đầu tư vào công ty liên doanh với thông tin cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty liên doanh</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1.	Công ty TNHH Hải Yến ("Công ty Hải Yến")	Khánh Hòa	(*)	(*)	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

- (\*) Vào ngày 01 tháng 7 năm 2004, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp III ("Centrimex") để thành lập Công ty Hải Yến có trụ sở chính đăng ký tại số 50, Đường Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngày 09 tháng 10 năm 2007, Centrimex được sáp nhập vào Công ty Cổ phần FOCOCEV Việt Nam (Tên gọi trước đây là Công ty Thực phẩm Đầu tư Công nghệ) ("Fococev"). Sau ngày sáp nhập, Fococev không đồng ý với tỷ lệ lợi ích của các bên đối tác liên doanh trong Công ty Hải Yến. Theo đó, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã khởi kiện Fococev ra Tòa án Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa ("Tòa án") để giải quyết tranh chấp này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, hai bên đã hoàn thành việc hòa giải và Tòa án đã đưa ra quyết định công nhận kết quả thỏa thuận giữa các bên như trình bày tại Thuyết minh số 24.

- (i.3) Theo Nghị quyết số 01-03/2024/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PAN Farm đã thông qua phương án nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Atani Holdings từ các bên chuyển nhượng. Ngày 26 tháng 3 năm 2024, Công ty Cổ phần PAN Farm đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các bên chuyển nhượng. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần PAN Farm tại Công ty Cổ phần Atani Holdings tăng từ 21,51% lên 67,74% và Công ty Cổ phần Atani Holdings chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần PAN Farm kể từ ngày này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Atani Holdings - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty con</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>		<b>Hoạt động chính</b>
			<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (*)	Hà Nội	99,96%	99,96%	Chưa là công ty con trong Tập đoàn	Chưa là công ty con trong Tập đoàn	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học

- (\*) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Atani Holdings đã thông qua phương án nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân từ các bên chuyển nhượng. Ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Atani Holdings đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 0,04% vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân từ bên chuyển nhượng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Atani Holdings tại Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân tăng từ 99,92% lên 99,96% kể từ ngày này.

**(ii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 37,75% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 12,37% thông qua Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre.



Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (ii.1)	Sóc Trăng	51,54%	51,54%	51,54%	51,54%	Chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
2.	Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Sóc Trăng	99,10%	100,00%	99,10%	100,00%	Nuôi trồng thủy sản

(ii.1) Công ty cũng nắm giữ trực tiếp 28,57% vốn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An.

(iii) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Bến Tre	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác

(iv) Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Ninh Thuận	99,87%	99,87%	99,87%	99,87%	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản



(v) Công ty Cổ phần Bibica

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1.	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Long An	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Chế biến, bảo quản thực phẩm, sản xuất các loại bánh từ bột
2.	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	Bình Dương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	Đồng Nai	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
4.	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
5.	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	Hưng Yên	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
6.	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN (v.1)	Long An	99,90%	99,90%	100,00%	100,00%	Bán buôn thực phẩm

(v.1) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Bibica chuyển nhượng 10.000 cổ phần cho ông Nguyễn Quốc Hoàng và 10.000 cổ phần cho bà Nguyễn Thái Hạnh Linh lần lượt theo hợp đồng chuyển nhượng số 0403/2024/HĐCNCP và 0404/2024/HĐCNCP ngày 04 tháng 3 năm 2024. Thời điểm hoàn tất giao dịch là ngày 06 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Bibica đối với Công ty Cổ phần Phân phối hàng tiêu dùng PAN sau khi hoàn tất giao dịch là 99,90%.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được



ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 8
Khác	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### **Thuê tài sản**

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

#### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

### **Lãi và cổ tức**

#### Lãi tiền gửi, cho vay

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	179.793.000	185.793.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.416.934.084	80.227.448.897
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	-
	<u>64.596.727.084</u>	<u>80.413.241.897</u>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng với lãi suất 3,5%/năm tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Như trình bày ở Thuyết minh số 15, khoản tiền gửi này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Mauritius).

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý
Chứng chỉ tiền gửi (i)	<u>10.570.000.000.000</u>	-	(ii) <u>6.670.000.000.000</u>	-	(ii)	
	<u>10.570.000.000.000</u>	-	<u>6.670.000.000.000</u>	-	-	

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chứng khoán kinh doanh phản ánh các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, được Công ty nắm giữ nhằm mục đích kinh doanh trong ngắn hạn và hưởng lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,36%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,9%/năm đến 6,5%/năm).

Như trình bày ở Thuyết minh số 15, các chứng chỉ tiền gửi này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1.

- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	17.740.807.833	17.740.807.833
	<b>17.740.807.833</b>	<b>17.740.807.833</b>

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Lãi dự thu	13.651.600.000	11.553.997.152
Tạm ứng	731.798.134	738.126.214
Ký quỹ	460.504.666	460.504.666
	<b>14.843.902.800</b>	<b>12.752.628.032</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	17.740.807.833	-	17.740.807.833	-
	<b>17.740.807.833</b>	<b>-</b>	<b>17.740.807.833</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		<b>17.740.807.833</b>		<b>17.740.807.833</b>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	13.154.981.362	591.202.358	192.390.500	13.938.574.220
Số dư cuối kỳ	13.154.981.362	591.202.358	192.390.500	13.938.574.220
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	2.691.314.567	552.633.971	148.612.861	3.392.561.399
Khấu hao trong kỳ	625.541.508	7.837.314	19.239.048	652.617.870
Số dư cuối kỳ	3.316.856.075	560.471.285	167.851.909	4.045.179.269
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	10.463.666.795	38.568.387	43.777.639	10.546.012.821
Tại ngày cuối kỳ	9.838.125.287	30.731.073	24.538.591	9.893.394.951

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.109.956.538 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.109.956.538 VND).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i) VND
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Bibica	1.226.235.664.543	-	930.950.431.000	1.226.235.664.543	-	923.576.566.200
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	999.900.000.000	-	(ii)	999.900.000.000	-	(ii)
Công ty Cổ phần PAN Farm	999.900.000.000	-	(ii)	999.900.000.000	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	671.414.451.072	-	1.210.783.455.900	671.414.451.072	-	1.110.810.510.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	232.298.227.704	-	319.263.728.050	232.298.227.704	-	315.211.015.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	166.227.626.000	-	189.741.456.000	166.227.626.000	-	160.687.295.550
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	145.154.674.945	-	(ii)	145.154.674.945	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	100.000.000.000	-	(ii)	100.000.000.000	-	(ii)
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	60.200.000.000	(25.828.688.738)	(ii)	60.200.000.000	(29.467.509.814)	(ii)
	<b>4.601.330.644.264</b>	<b>(25.828.688.738)</b>		<b>4.601.330.644.264</b>	<b>(29.467.509.814)</b>	

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Bibica	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần PAN Farm	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 23.

#### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.239.036.052	-	-	3.239.036.052
	<b>3.239.036.052</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.239.036.052</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	8.230.570	8.230.479	91
Thuế thu nhập cá nhân	382.680.681	1.276.078.338	1.576.282.978	82.476.041
Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	12.643.366	4.000.000	8.643.366
	<b>382.680.681</b>	<b>1.296.952.274</b>	<b>1.588.513.457</b>	<b>91.119.498</b>

#### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	10.144.537.396	2.680.520.548
Chi phí phải trả khác	1.598.988.300	2.331.242.000
	<b>11.743.525.696</b>	<b>5.011.762.548</b>
<b>Trong đó:</b>		
Chi phí phải trả ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<b>7.806.645.964</b>	-

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	95.623.329.336	100.815.984.032
Cổ tức phải trả	104.478.370.000	30.995.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.542.277.659	5.623.277.659
	<b>207.643.976.995</b>	<b>106.470.256.691</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<b>95.623.329.336</b>	<b>100.815.984.032</b>

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	6.022.365.310	6.485.269.938
Tăng trong kỳ	3.000.000.000	3.000.000.000
- Trích quỹ Phát triển bền vững	2.000.000.000	2.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000.000.000	1.000.000.000
Giảm trong kỳ	(2.340.228.092)	(1.035.271.628)
- Sử dụng quỹ	(2.340.228.092)	(1.035.271.628)
Số dư cuối kỳ	<b>6.682.137.218</b>	<b>8.449.998.310</b>



15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>6.000.000.000.000</b>	<b>9.586.080.000.000</b>	<b>6.000.000.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>9.586.200.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (i)	6.000.000.000.000	9.510.000.000.000	6.000.000.000.000	-	9.510.000.000.000
Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Mauritius) (ii)	-	76.080.000.000	-	120.000.000	76.200.000.000
<b>Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>2.166.464.657.534</b>	<b>820.000.000.000</b>	<b>838.624.657.534</b>	<b>-</b>	<b>2.147.840.000.000</b>
<b>Vay ngắn hạn bên thứ ba (iii)</b>	<b>-</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>190.000.000.000</b>
	<b>8.166.464.657.534</b>	<b>10.596.080.000.000</b>	<b>6.838.624.657.534</b>	<b>120.000.000</b>	<b>11.924.040.000.000</b>

- (i) Phản ánh khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với hạn mức 12.000.000.000.000 VND để kinh doanh và đầu tư công cụ nợ của Chính Phủ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn trả gốc không quá 12 tháng và theo từng giấy nhận nợ với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13 tháng 12 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi các chứng chỉ tiền gửi như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- (ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Mauritius) với số tiền là 3.000.000 USD. Thời hạn vay 4 tháng, đáo hạn vào ngày 25 tháng 10 năm 2024 với lãi suất được thỏa thuận bởi hai bên. Khoản vay được đảm bảo bởi hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 8.000.000.000 VND tại Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) như trình bày tại Thuyết minh số 4.
- (iii) Phản ánh khoản vay tín chấp ngắn hạn đối tác doanh nghiệp đáo hạn ngày 19 tháng 7 năm 2024. Khoản vay được gia hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2024. Lãi suất được thỏa thuận bởi hai bên và được trả hàng tháng.



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày						
30 tháng 06 năm 2023						
Số dư đầu kỳ trước	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	63.629.870.136	2.975.670.775.427
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	129.410.682.066	129.410.682.066
Hủy cổ phiếu quỹ	(640.000.000)	-	640.000.000	-	-	-
Trích thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>2.162.945.800.000</u>	<u>904.770.143.351</u>	<u>(167.188.836.328)</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>188.040.552.202</u>	<u>3.100.081.457.493</u>
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày						
30 tháng 06 năm 2024						
Số dư đầu kỳ này	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	220.655.941.529	3.132.696.846.820
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	55.608.244.428	55.608.244.428
Chia cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Trích thủ lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán (i)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>2.162.945.800.000</u>	<u>904.770.143.351</u>	<u>(167.188.836.328)</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>166.816.810.957</u>	<u>3.078.857.716.248</u>

(i) Việc trích thủ lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Theo Nghị quyết số 01-06/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt với ngày chốt quyền là ngày 27 tháng 6 năm 2024. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã thanh toán cổ tức cho cổ đông với số tiền là 102.359.899.700 VND.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	216.294.580	216.294.580
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>216.294.580</i>	<i>216.294.580</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	(7.399.830)	(7.399.830)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(7.399.830)</i>	<i>(7.399.830)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	208.894.750	208.894.750
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>208.894.750</i>	<i>208.894.750</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Đô la Mỹ (USD)	200,5	200,5

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.520.701.000	185.922.316.300
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	99.433.828.697	143.073.909.961
Lãi chuyển nhượng trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	28.000.535.448	5.875.629.364
	<b>226.955.065.145</b>	<b>334.871.855.625</b>
<b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>126.759.891.746</b>	<b>200.662.917.850</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	151.483.639.951	170.183.639.529
Chi phí phát hành trái phiếu	-	10.114.563.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	120.000.000	7.881.700.823
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.638.821.076)	1.218.959.728
Chi phí tài chính khác	7.865.575.959	844.280.323
	<b>155.830.394.834</b>	<b>190.243.143.861</b>
<b>Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>61.613.932.024</b>	<b>18.594.289.328</b>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	6.034.536.014	5.409.881.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	652.617.870	727.084.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.751.979.488	8.931.604.886
Chi phí khác	79.053.058	72.227.700
	<b>15.518.186.430</b>	<b>15.140.799.270</b>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	55.608.244.428	129.410.682.066
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế :	(78.241.506.209)	(185.256.176.775)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	21.279.194.791	666.139.525
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>21.279.194.791</i>	<i>666.139.525</i>
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	99.520.701.000	185.922.316.300
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>99.520.701.000</i>	<i>185.922.316.300</i>
(Lỗ) tính thuế	(22.633.261.781)	(55.845.494.709)
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Các khoản lỗ tính thuế của Công ty có thể được dùng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng tối đa 5 năm liền kể kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch với số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ đã chuyển đến ngày 30/6/2024 VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/6/2024 VND
2022	2027	63.087.216.870	-	63.087.216.870
2023	2028	100.574.247.232	-	100.574.247.232
Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	2029	22.633.261.781	-	22.633.261.781
		<b>186.294.725.883</b>	<b>-</b>	<b>186.294.725.883</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.



22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

**Cam kết thuê hoạt động**

Khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm tiền thuê văn phòng tại tầng 15, tòa tháp Icon4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn tới ngày 31 tháng 12 năm 2024. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

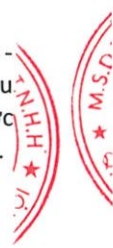
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.326.528.000	2.730.088.800
	<u>1.326.528.000</u>	<u>2.730.088.800</u>

**Cam kết giao dịch ngoại hối kỳ hạn**

Tại ngày 25 tháng 6 năm 2024, Công ty tham gia vào giao dịch ngoại hối kỳ hạn 4 tháng từ ngày 25 tháng 6 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024. Theo đó, tại ngày 25 tháng 10 năm 2024, Công ty phải mua ngoại tệ tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Khoản tiền này dùng để thanh toán cho khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Mauritius) như trình bày ở Thuyết minh số 15.

**Cam kết khác**

Theo các Thỏa thuận với các nhà đầu tư liên quan tới việc góp vốn vào Công ty Cổ phần PAN Farm - công ty con của Công ty với số tiền là 400 tỷ VND, các nhà đầu tư sở hữu cổ phần có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp này trong trường hợp Công ty Cổ phần PAN Farm không đáp ứng được một số yêu cầu trong hợp đồng. Giá mua lại được tính toán dựa trên công thức được thỏa thuận trước.



23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty con
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Huro	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn, Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT độc lập

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>126.759.891.746</b>	<b>200.662.917.850</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>99.520.701.000</b>	<b>185.922.316.300</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	18.012.058.000	18.012.058.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	17.788.261.500	17.788.261.500
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	12.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	2.351.025.500	3.761.640.800
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	89.991.000.000
<b>Lãi tiền gửi, lãi cho vay</b>	<b>54.502.131</b>	<b>8.864.972.186</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	54.502.131	1.506.383.148
Công ty Cổ phần PAN Farm	-	7.216.438.353
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	-	142.150.685
<b>Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu</b>	<b>27.184.688.615</b>	<b>5.875.629.364</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	27.184.688.615	5.875.629.364

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>2.180.029.979</b>	<b>2.069.036.714</b>
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	1.638.118.523	2.069.036.714
Công ty TNHH Tư vấn NDH	356.400.000	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	96.641.466	-
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	66.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Huro	16.200.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	6.669.990	-
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>61.613.932.024</b>	<b>18.594.289.328</b>
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>53.891.757.347</b>	<b>18.519.037.626</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	20.467.143.017	17.313.319.462
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	12.741.069.465	-
Công ty Cổ phần PAN Farm	9.768.476.376	526.197.617
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	4.635.616.437	-
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	3.786.301.368	679.520.547
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	2.493.150.684	-
<b>Chi phí tài chính khác</b>	<b>5.739.523.543</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	5.739.523.543	-
<b>Phí lưu ký và phí dịch vụ</b>	<b>1.980.021.134</b>	<b>75.251.702</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	1.980.021.134	75.251.702
<b>Lỗ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>2.630.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	2.630.000	-
<b>Thu hồi gốc cho vay</b>	<b>-</b>	<b>159.200.000.000</b>
Công ty Cổ phần PAN Farm	-	159.200.000.000
<b>Đi vay</b>	<b>820.000.000.000</b>	<b>161.503.835.616</b>
Công ty Cổ phần PAN Farm	720.000.000.000	107.503.835.616
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	-	14.000.000.000
<b>Trả gốc vay</b>	<b>838.624.657.534</b>	<b>40.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần PAN Farm	311.624.657.534	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	227.000.000.000	-
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	200.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100.000.000.000	-
<b>Chi hộ</b>	<b>-</b>	<b>233.427.548</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	-	121.701.174
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	-	111.726.374





Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	100.000.000	100.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	70.000.000	70.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>33.000.000</b>
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	-	33.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>95.623.329.336</b>	<b>100.815.984.032</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	85.026.069.064	72.806.241.115
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	7.680.273.971	3.511.780.822
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	1.561.643.835	2.035.616.438
Công ty Cổ phần PAN Farm	1.355.342.466	7.897.414.147
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	-	9.808.767.125
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	-	4.756.164.385
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>7.806.645.964</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	7.212.328.765	-
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	594.317.199	-
<b>Vay ngắn hạn (i)</b>	<b>2.147.840.000.000</b>	<b>2.166.464.657.534</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	892.840.000.000	1.119.840.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	535.000.000.000	126.624.657.534
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	450.000.000.000	450.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	170.000.000.000	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	-	200.000.000.000

(i) Phản ánh các khoản vay ngắn hạn công ty con với thời hạn không quá 12 tháng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 12%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,0%/năm đến 9,5%/năm). Gốc vay và lãi vay sẽ được thanh toán vào cuối thời hạn khoản vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

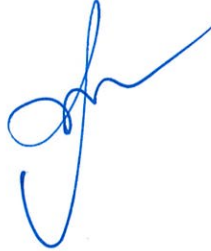
Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	3.564.822.073	1.906.923.077
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT độc lập	90.000.000	90.000.000
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT độc lập	90.000.000	90.000.000
		<b>4.134.822.073</b>	<b>2.476.923.077</b>

Theo Quyết định số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024 (“Quyết định”), Tòa án Nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận nội dung thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - công ty con của Công ty Cổ phần PAN Farm và Công ty Cổ phần FOCOCEV Việt Nam (“Fococev”) liên quan đến các tranh chấp về việc yêu cầu hủy hợp đồng liên doanh. Các nội dung chính của thỏa thuận giữa các bên bao gồm Điều lệ hoạt động và việc phân chia phần lợi nhuận từ hoạt động của Công ty TNHH Hải Yến.



Trần Thị Trang  
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01-  
05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5  
năm 2023)

Ngày 28 tháng 8 năm 2024